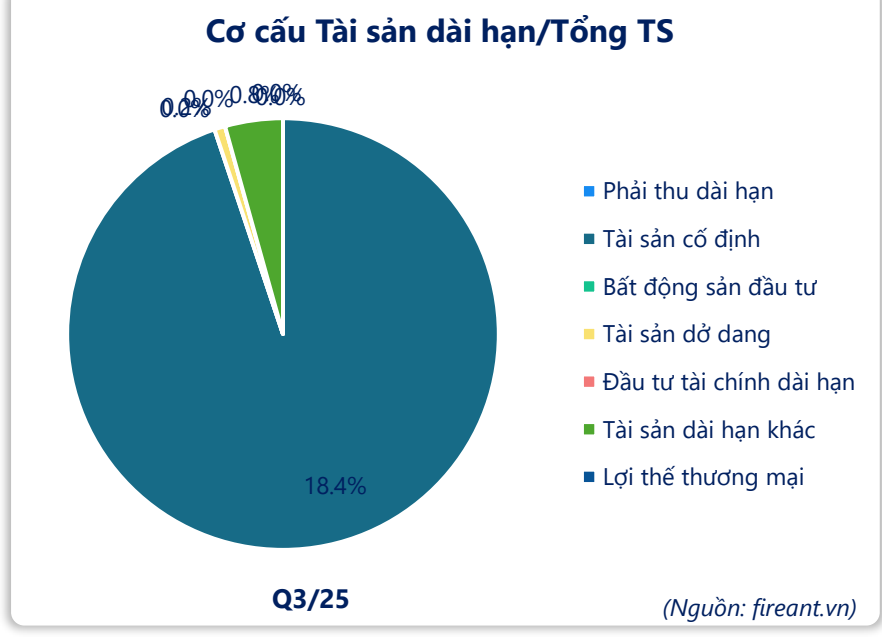
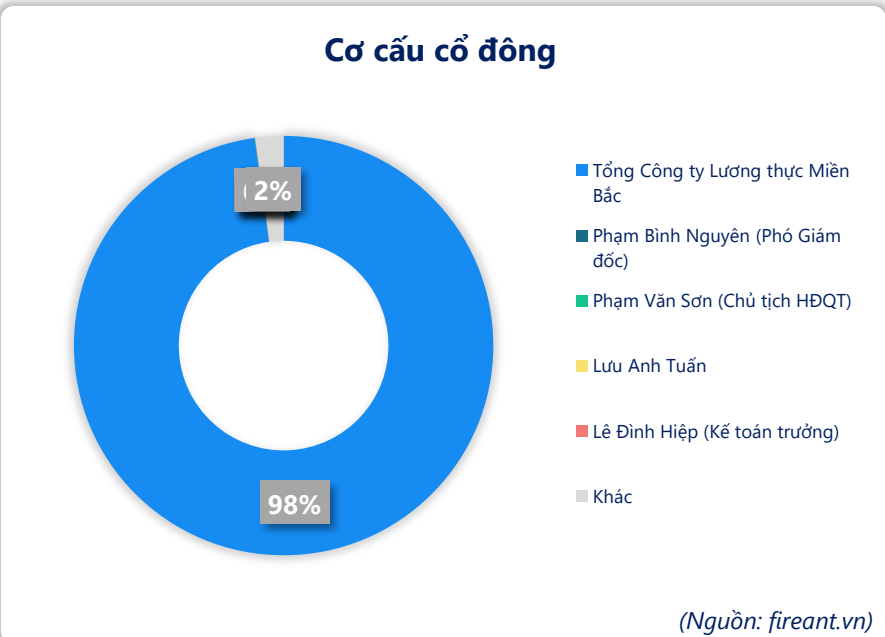
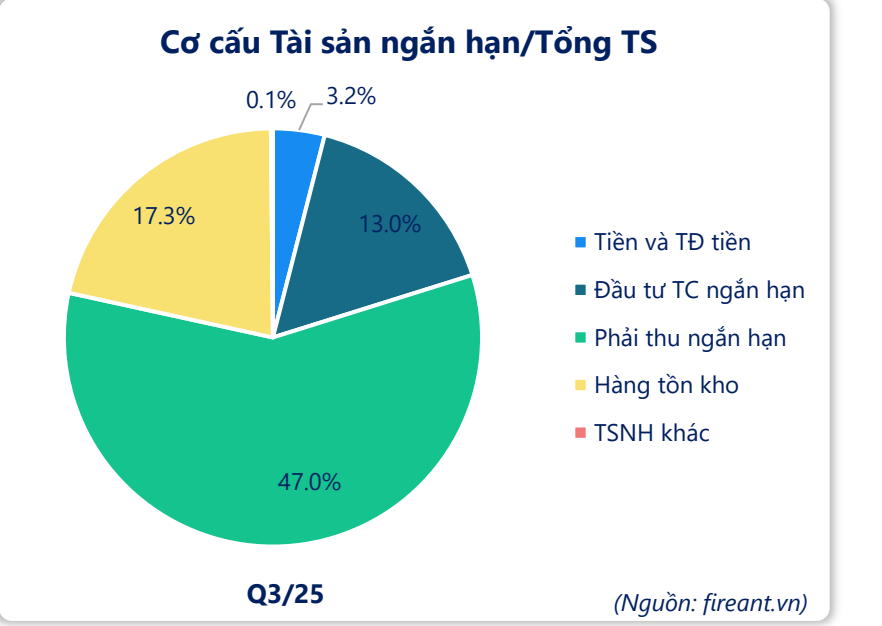
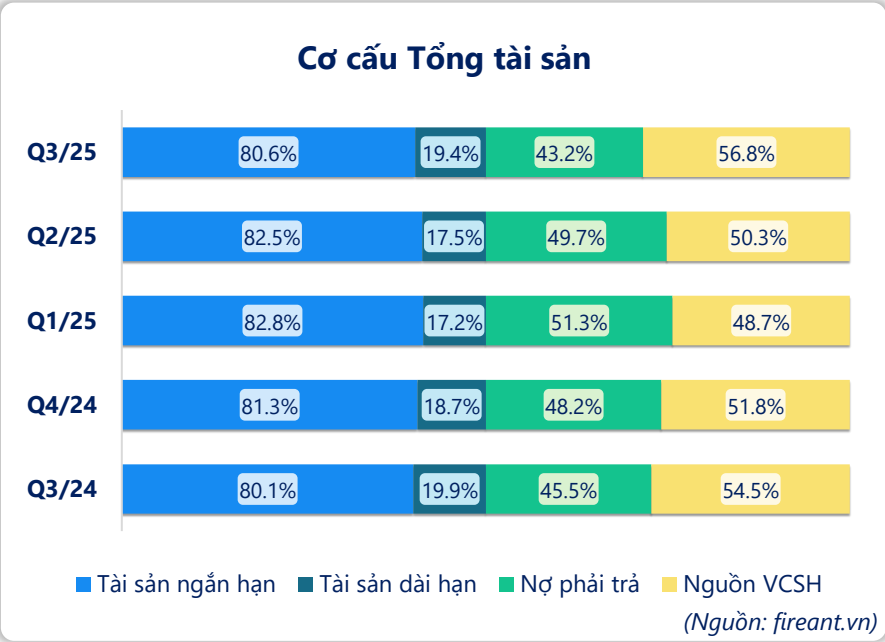
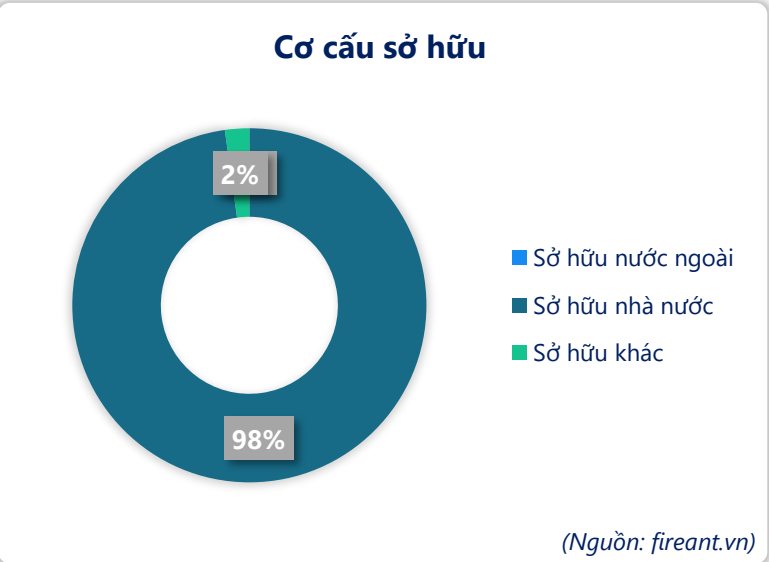
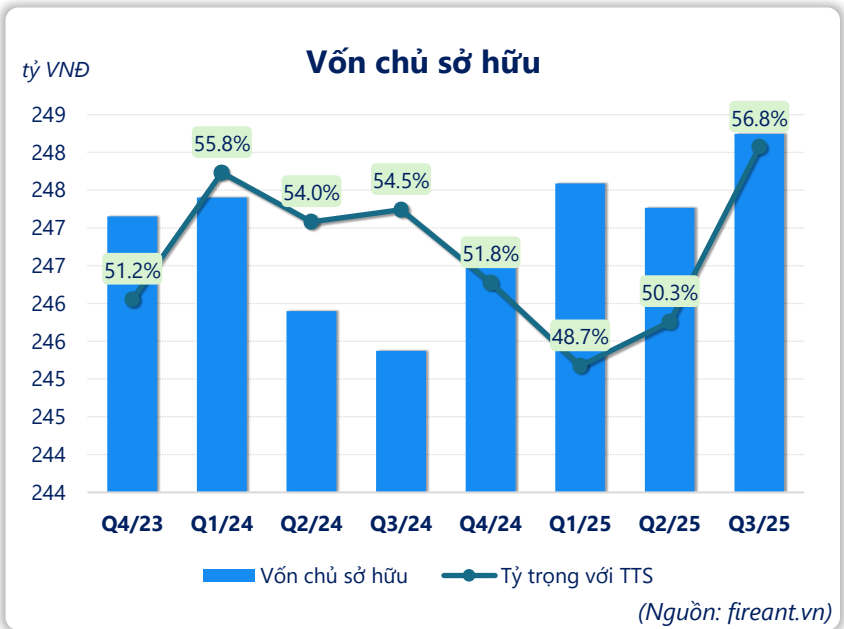
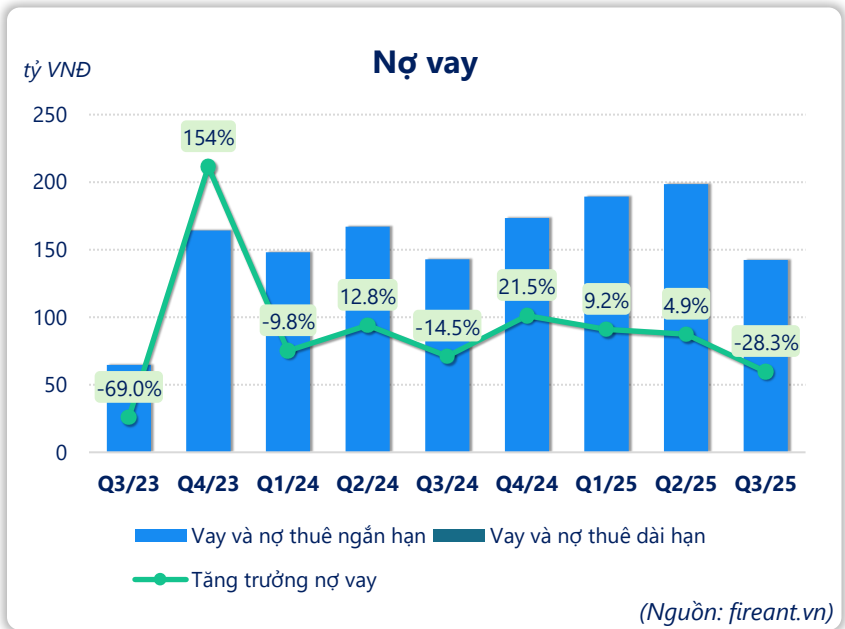
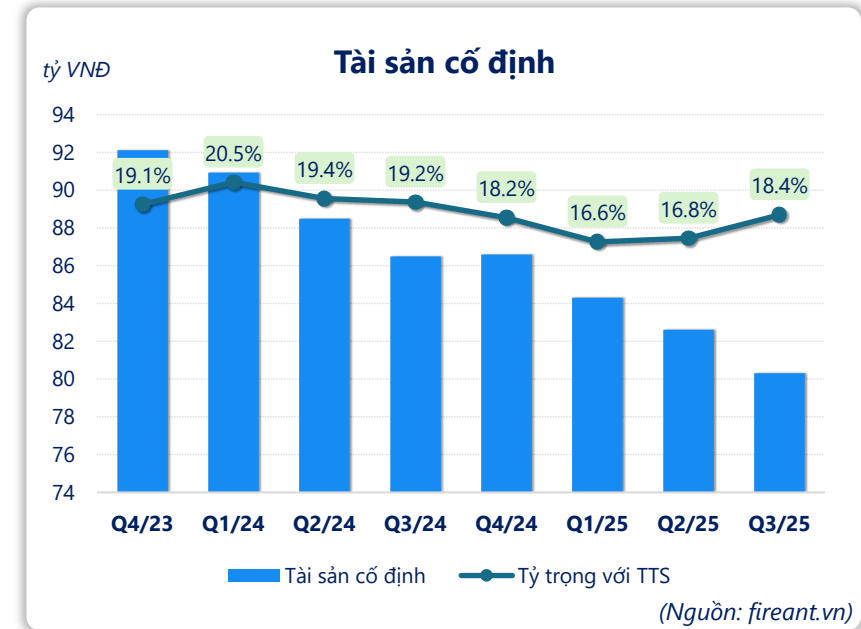
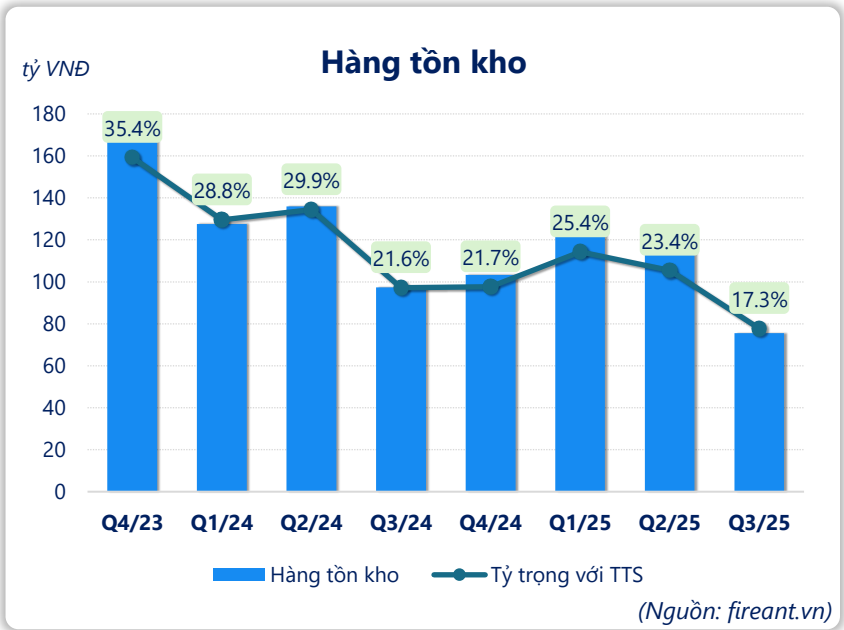
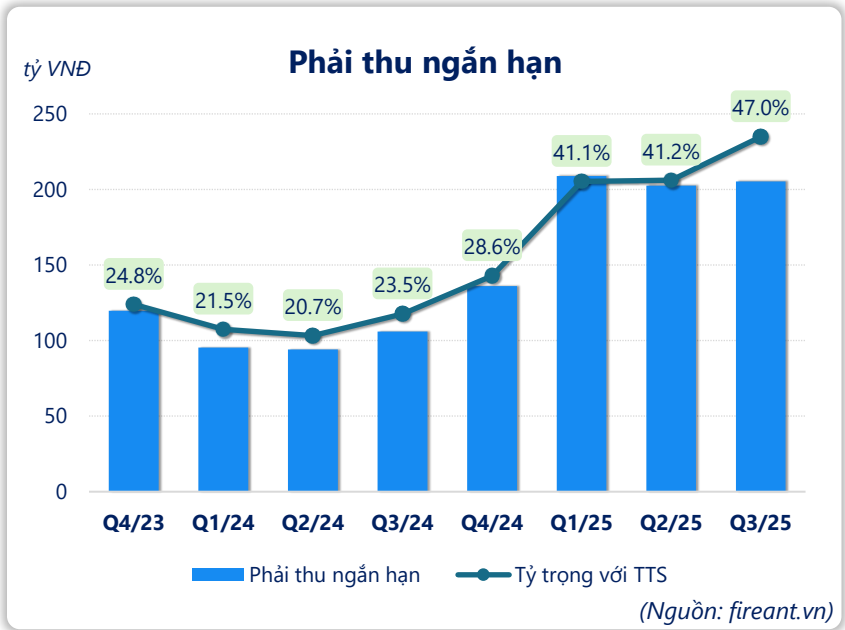
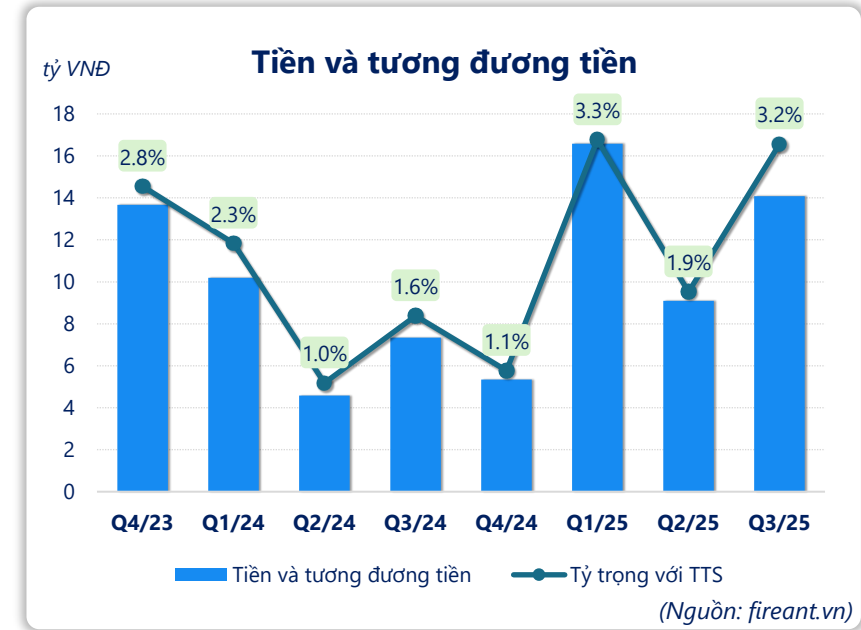
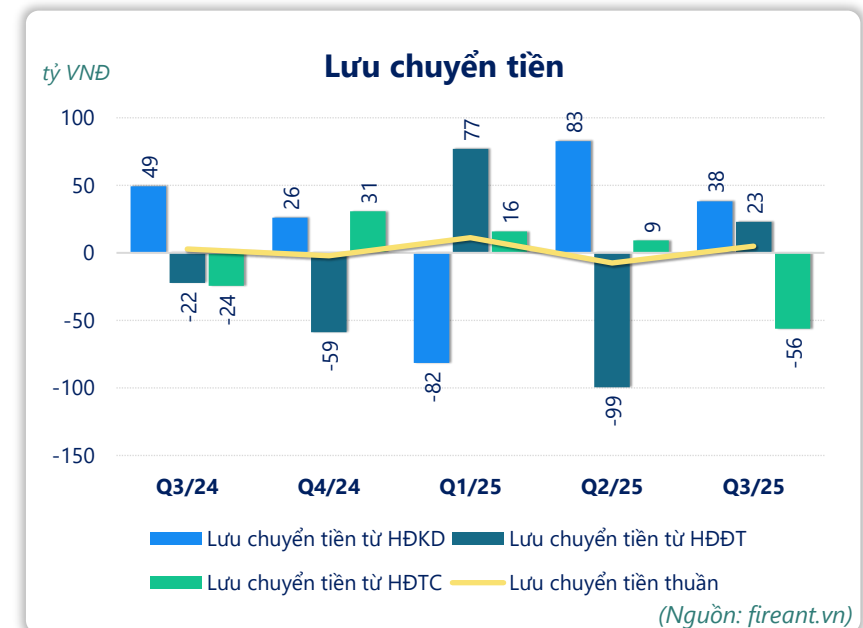
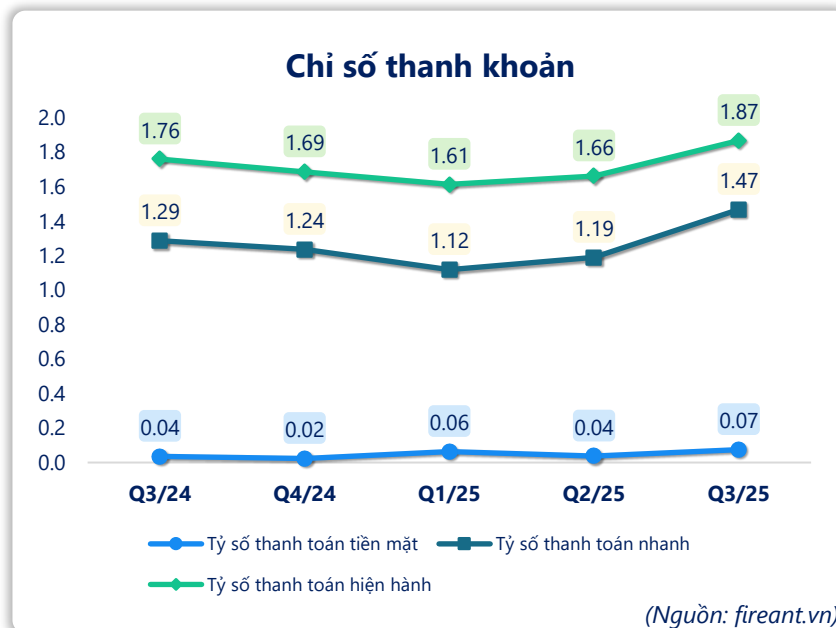
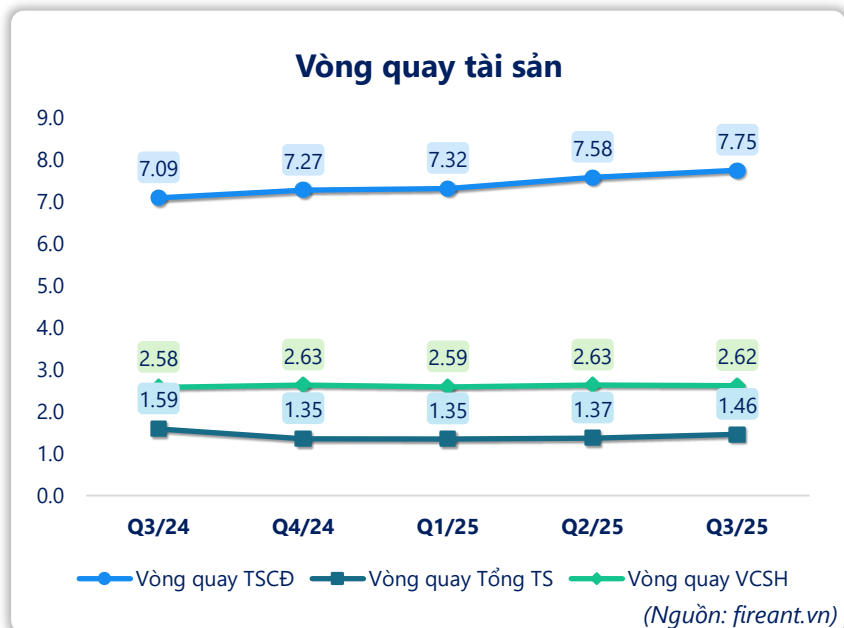
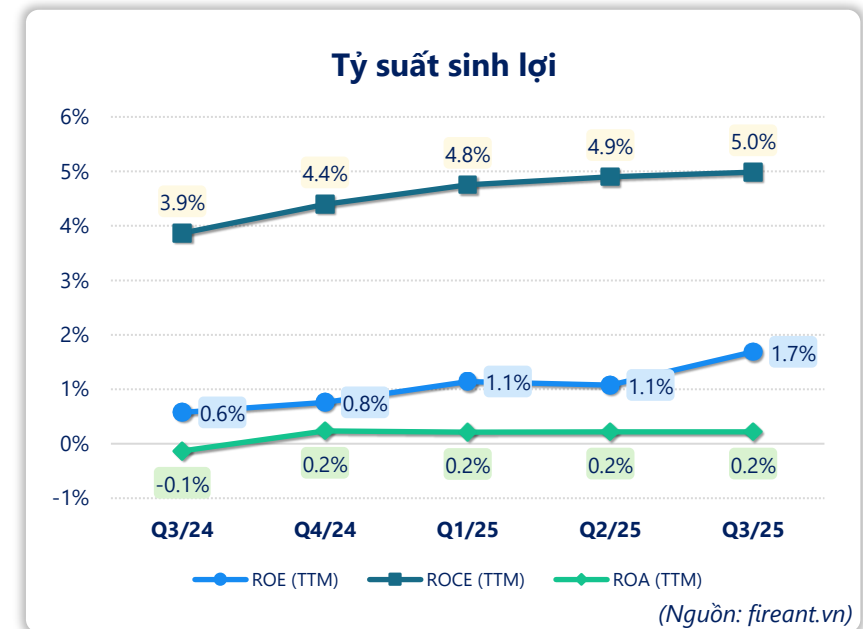
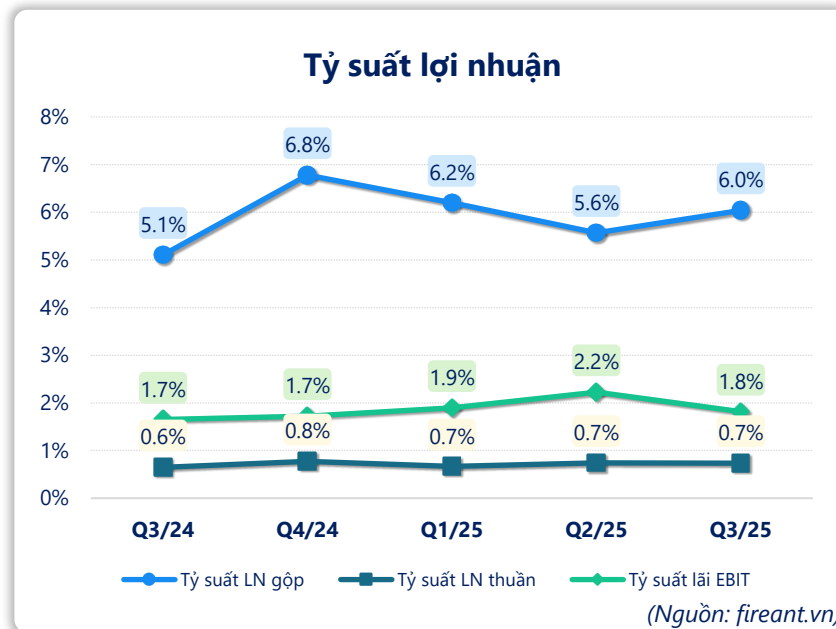
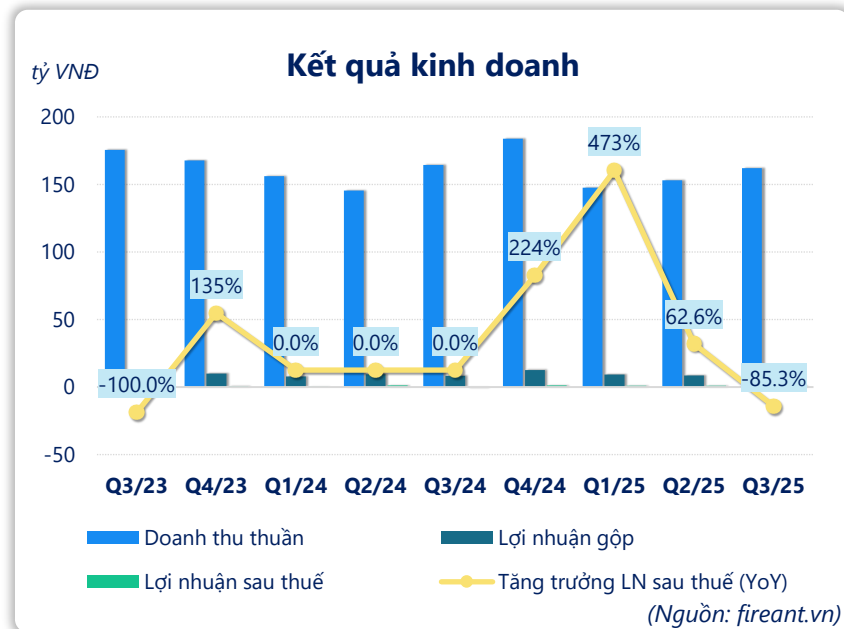


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,654
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,300
SL cổ phiếu LH		24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		50
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		145
P/E		34.9
EPS		172

	YTD	1T	3T	6T
BMV	-22.1%	0.0%	9.1%	-11.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	437	476	-8.2%
Tài sản ngắn hạn	352	387	-8.9%
Tiền và tương đương tiền	14.1	5.35	163%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	57.0	142	-59.7%
Phải thu ngắn hạn	205	136	50.7%
Hàng tồn kho	75.5	103	-26.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.58	-6.4%
Tài sản dài hạn	84.7	89.3	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	80.3	86.6	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0.53	29.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.67	2.15	70.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	189	230	-17.8%
Nợ ngắn hạn	189	230	-17.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	142	173	-17.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.7	40.7	-51.6%
Nợ dài hạn	0.16	0.11	45.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	248	247	0.7%
Vốn chủ sở hữu	248	247	0.7%
Vốn điều lệ	242	242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	164	184	147	153	162
Giá vốn hàng bán	156	171	138	145	152
Lợi nhuận gộp	8.39	12.5	9.14	8.52	9.79
Doanh thu HĐTC	1.99	2.04	2.36	2.79	2.61
Chi phí TC	1.56	2.03	2.01	2.37	1.73
Chi phí lãi vay	1.55	1.45	1.53	2.10	1.71
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.41	5.14	3.85	3.30	4.20
Chi phí QLDN	4.35	5.91	4.66	4.51	5.27
LN thuần từ HĐKD	1.07	1.42	0.98	1.13	1.19
Lợi nhuận khác	0.10	0.29	0.28	0.18	0.04
LN trước thuế	1.16	1.72	1.27	1.31	1.23
Lợi nhuận sau thuế	-0.53	1.13	1.01	1.05	0.98
LNST của CĐ cty mẹ	-0.53	1.13	1.01	1.05	0.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.3	26.1	-81.6	82.8	38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-22.2	-58.8	76.9	-99.5	22.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.3	30.7	15.9	9.22	-56.1
Tiền đầu kỳ	4.58	7.34	5.35	16.6	9.09
Lưu chuyển tiền thuần	2.82	-2.04	11.2	-7.49	4.98
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.05	0	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	7.34	5.35	16.6	9.09	14.1

(Nguồn: fireant.vn)